

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 48 /2017/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung về xây dựng, thẩm định, trình ban hành Nghị quyết về các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2015 của HĐND tỉnh quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản 1067/STC-GCS ngày 30/3/2017 và Văn bản số 3749/STC-GCS ngày 17/10/2017; của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 443/BC-STP ngày 10/10/2017; ý kiến thống nhất của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 122/HĐND ngày 19/4/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về xây dựng, thẩm định, trình ban hành Nghị quyết về các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

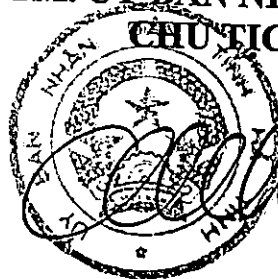
Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2017 và thay thế Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số nội dung về quy trình xây dựng, thẩm định, trình ban hành các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Tư pháp;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, TH₁. (16b)
- Gửi: Điện tử.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Khánh

QUY ĐỊNH

**Một số nội dung về xây dựng, thẩm định, trình ban hành
Nghị quyết về các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

(Kèm theo Quyết định số 48 /2017/QĐ-UBND ngày 03 /11/2017 của UBND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về trách nhiệm, quy trình xây dựng, thẩm định, trình ban hành Nghị quyết về các khoản phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện thu phí và lệ phí;
2. Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì tổng hợp, xây dựng Đề án, Nghị quyết về thu hoặc bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ các khoản phí và lệ phí (sau đây gọi là Nghị quyết về phí, lệ phí);
3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng Đề án thu phí, lệ phí và soạn thảo dự thảo Nghị quyết về phí, lệ phí

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:
 - a) Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);
 - b) Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);
 - c) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;
 - d) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);
 - đ) Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);
 - e) Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);
 - g) Phí thẩm định đề án xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi (đối với hoạt động thẩm định do cơ quan địa phương thực hiện);
 - h) Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai;
 - i) Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

2. Sở Xây dựng: Lệ phí cấp giấy phép xây dựng.
3. Sở Giao thông Vận tải:
 - a) Phí sử dụng đường bộ (đối với đường thuộc địa phương quản lý);
 - b) Phí sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố.
4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:
 - a) Phí tham quan danh lam thắng cảnh (đối với công trình thuộc địa phương quản lý);
 - b) Phí tham quan di tích lịch sử (đối với công trình thuộc địa phương quản lý);
 - c) Phí tham quan công trình văn hóa, bảo tàng (đối với công trình thuộc địa phương quản lý);
 - d) Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp;
 - đ) Phí thư viện (đối với thư viện thuộc địa phương quản lý).
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Lệ phí đăng ký kinh doanh.
6. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn: Phí bình tuyến, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống (đối với hoạt động bình tuyến, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện).
7. Sở Tư pháp:
 - a) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất;
 - b) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng tàu bay;
 - c) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng tàu biển;
 - d) Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng động sản, trừ tàu bay, tàu biển;
 - đ) Phí đăng ký giao dịch bảo đảm (đối với hoạt động đăng ký do cơ quan địa phương thực hiện);
 - e) Lệ phí hộ tịch.
8. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội: Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam (đối với cấp phép do cơ quan địa phương thực hiện).
9. Công an tỉnh:
 - a) Lệ phí đăng ký cư trú (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện);
 - b) Lệ phí cấp chứng minh nhân dân (đối với hoạt động do cơ quan địa phương thực hiện).
10. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: Phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu (bao gồm: khu vực cửa khẩu biên giới đất liền và khu vực cửa khẩu cảng biển).

11. Đối với các khoản phí, lệ phí khác:

Trong quá trình triển khai thực hiện đối với các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính nhưng giao cho địa phương quy định một số nội dung cụ thể (nếu có); căn cứ quy định pháp luật và tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ngành chịu trách nhiệm chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan để tổng hợp, xây dựng đề án thu phí, lệ phí và soạn thảo dự thảo Nghị quyết về thu hoặc bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ các khoản phí, lệ phí khác thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 4. Quy trình xây dựng, thẩm định, trình ban hành dự thảo Nghị quyết về phí, lệ phí

1. Trình đề nghị xây dựng Nghị quyết về phí, lệ phí:

a) Căn cứ quy định pháp luật và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị tại Điều 3 Quy định này có trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết về phí, lệ phí theo phạm vi được phân công báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét.

Thời gian gửi hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết về phí, lệ phí chậm nhất là thời điểm đăng ký nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Thành phần và nội dung hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết về phí, lệ phí thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 117 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Xây dựng, thẩm định đề án thu phí, lệ phí:

a) Sau khi Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết về phí, lệ phí, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thu phí, lệ phí và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng đề án thu phí, lệ phí gửi về Sở Tài chính để thẩm định.

b) Hồ sơ đề nghị thẩm định đề án thu phí, lệ phí bao gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đề án thu phí, lệ phí;

- Đề án thu phí, lệ phí đảm bảo các nội dung theo quy định tại Điểm b, c Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ. Trong đó, việc xác định mức thu phí, lệ phí phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính (có Biểu so sánh cụ thể để thuyết minh).

3. Xây dựng, thẩm định dự thảo Nghị quyết:

a) Trên cơ sở đề án thu phí, lệ phí đã được Sở Tài chính thẩm định, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng, tổ chức lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết về phí, lệ phí theo quy định tại Điều 119, Điều 120 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hồ sơ đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết gửi Sở Tư pháp thực hiện thẩm định theo quy định tại Điều 121 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thời gian gửi Sở Tư pháp thẩm định chậm nhất là 45 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc 20 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp thống nhất nội dung (tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước).

b) Hồ sơ gửi Sở Tư pháp thẩm định bao gồm:

- Văn bản đề nghị thẩm định dự thảo Nghị quyết;
- Các thành phần theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 121 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Đề án thu phí, lệ phí;
- Văn bản thẩm định đề án thu phí, lệ phí của Sở Tài chính;
- Tài liệu khác (nếu có).

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết về phí, lệ phí:

a) Sau khi có văn bản thẩm định của Sở Tư pháp, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết về phí, lệ phí tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ dự thảo Nghị quyết về phí, lệ phí theo quy định tại khoản 1, Điều 122 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Thời gian trình Ủy ban nhân dân tỉnh chậm nhất là 25 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân hoặc 03 ngày trước ngày Ủy ban nhân dân họp thống nhất nội dung (tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước).

5. Trình các Ban của HĐND tỉnh thẩm tra Nghị quyết về phí, lệ phí:

a) Văn phòng UBND tỉnh hoàn thiện hồ sơ, tài liệu phục vụ thẩm tra theo quy định tại Khoản 2 Điều 124 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật gửi đến các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh được phân công thẩm tra để thẩm tra chậm nhất là 15 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

b) Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo dự thảo Nghị quyết về phí, lệ phí có trách nhiệm báo cáo giải trình với các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh; tiếp thu ý kiến thẩm tra hoàn thiện văn bản dự thảo Nghị quyết về thu phí, lệ phí gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phí, lệ phí:

a) Việc chuẩn bị hồ sơ dự thảo Nghị quyết để gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện theo chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 125 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Sở Tài chính có trách nhiệm thuyết trình Dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp của HĐND tỉnh; phối hợp với các Ban của Hội đồng nhân dân được phân công thẩm tra và Sở Tư pháp giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Nghị quyết.

Điều 5. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Quốc Khánh